

Bản án số: 66/2020/DS-ST
Ngày 09-7-2020
Vv “Đòi lại tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Trọng;
2. Ông Cao Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Định - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2020, về việc “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 792/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 978/2020/QĐST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn H, sinh năm 1929

Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện T, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1961

Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 12 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn H trình bày:

Ông và ông Trần Văn S có quan hệ quen biết nhau, ông không có xe và cũng không tự lái xe được nên ông thường nhờ ông S chở ông đi xem hát bội. Cứ mỗi lần xem hát, ông S mượn tiền của ông để thưởng cho diễn viên. Thời gian đi xem hát từ năm 2012 đến năm 2015 ông S mượn của ông tổng cộng 10.440.000 đồng. Cũng

trong thời gian này, ông S mượn tiền để chi tiêu gia đình tổng cộng 13.100.000 đồng. Tổng cộng ông S mượn của ông 23.440.000 đồng, nhưng trừ tiền xăng xe ông S chở ông đi xem hát tổng cộng 78 lần là 3.130.000 đồng (mỗi lần là 40.000 đồng, có lần đi trong huyện, có lần đi ngoài huyện), như vậy ông S còn nợ ông 20.310.000 đồng. Ông S có ký nhận vào giấy “Bản kê số tiền chú H cho cháu Mai mượn trong năm 2013” và “Bản tổng hợp tiền mượn” ngày 10/9/2013. Từ năm 2015 đến nay, ông có đòi nhiều lần nhưng ông S hứa nhiều lần mà không trả. Nay ông yêu cầu ông S trả cho ông số tiền 20.310.000 đồng, ông không yêu cầu trả lãi. Ông không biết bà vợ ông S tên gì, ông chỉ cho một mình ông S mượn tiền, không có liên quan gì đến bà vợ ông S và những người khác trong gia đình ông S. Do đó ông chỉ yêu cầu một mình ông S trả nợ cho ông, ông không yêu cầu vợ ông S trả nợ cho ông.

* Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trần Văn S trình bày:

Ông và ông Nguyễn H quen biết nhau, ông H không có xe và cũng không tự lái xe được nên ông H thường nhờ ông chở đi xem hát bội. Trong khoảng thời gian chở ông H đi xem hát từ năm 2012 đến năm 2015, ông có mượn tiền của ông H nhiều lần nhưng ông không nhớ tổng cộng bao nhiêu. Ông thừa nhận có ký vào giấy thống kê các lần mượn tiền của ông H. Nay ông H yêu cầu ông trả số tiền tổng cộng đã mượn là 23.440.000 đồng, trừ tiền xăng xe ông chở ông H đi xem hát tổng cộng 78 lần là 3.130.000 đồng (mỗi lần là 40.000 đồng), số tiền còn nợ là 20.310.000 đồng. Ông không đồng ý, vì mỗi lần ông chở ông H đi xem hát bội thường là đi xa ở ngoài huyện, đi từ chiều đến tối khuya mới về. Ông yêu cầu ông H tính tiền chi phí mỗi lần chở ông H đi và về là 200.000 đồng. Còn lại số tiền bao nhiêu thì ông trả cho ông H và xin trả dần vì ông bị đau bệnh không có tiền trả một lần.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ quy định tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình qui định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đến khi mở phiên tòa xét xử lần thứ hai thì bị đơn mới có mặt.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về khoản tiền xăng xe ông S chở ông H đi xem hát tổng cộng 78 lần, tính mỗi lần là 100.000 đồng x 78 lần = 7.800.000 đồng, số tiền còn lại buộc ông S phải trả cho ông H là 23.440.000 đồng – 7.800.000 đồng = 15.640.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn H yêu cầu ông Trần Văn S trả số tiền còn nợ nên đây là tranh chấp về “Đòi lại tài sản”

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà bị đơn ông Trần Văn S cư trú tại thôn A, xã P, huyện T, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt lợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa nhưng ông Trần Văn S vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Đến khi mở phiên tòa xét xử lần thứ hai thì ông S mới có mặt tại phiên tòa, tại phiên tòa ông S không có tài liệu, chứng cứ gì cung cấp nên Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào lời khai của ông S trình bày tại phiên tòa để xem xét.

[3] Xét yêu cầu của ông Nguyễn H buộc ông Trần Văn S thực hiện nghĩa vụ trả số tiền mượn nợ là 23.440.000 đồng - 3.130.000 đồng = 20.310.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa hôm nay ông S thừa nhận có mượn tiền và ký vào giấy thống kê các lần mượn tiền của ông H, do đó ông S có mượn tiền và còn nợ của ông H số tiền 23.440.000 đồng. Xét về khoản chi phí mỗi lần mà ông S chở ô H đi xem hát bội, ông S yêu cầu tính 200.000 đồng/lần, còn ông H chỉ tính 40.000 đồng/lần. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông S là cao, còn yêu cầu của ông H là thấp, nên tính theo mức 100.000 đồng/lần như đề xuất của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Do đó buộc ông S phải trả cho ông H số tiền còn nợ là 23.440.000 đồng - 7.800.000 đồng (78 lần x 100.000 đồng/lần = 7.800.000 đồng) = 15.640.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Trần Văn S phải chịu 15.640.000 đồng x 5% = 782.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Buộc ông Trần Văn S phải trả cho ông Nguyễn H số tiền còn nợ là 15.640.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm bốn chục ngàn đồng).

Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Trần Văn S phải chịu 782.000 đồng (bảy trăm tám mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09 tháng 7 năm 2020).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Duy Minh